

Bản án số: 53/2023/DS-ST
Ngày: 30/3/2023
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Lâm Sơn
- Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 458/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn O, sinh năm 1981; địa chỉ: số 47, ấp Bình Phú, xã Bình Phước X, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1994; địa chỉ: khóm Thị 1, thị trấn Mỹ L, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn O trình bày, do chỗ quen biết với bà T cho nên vào ngày 20/02/2022 (al) nhằm ngày 24/03/2022 (dl) ông có cho bà T vay số tiền 180.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh mua đất, hai bên không thỏa thuận lãi suất, hẹn thời gian trong vòng 05 tháng sẽ trả lại cho ông, nhưng hết thời gian 05 tháng mà bà T vẫn không trả cho ông, ông có liên hệ với bà T để lấy lại số tiền 180.000.000 đồng nhưng bà T cố tình lẩn tránh. Nay ông yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay 180.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao biên nhận nợ ngày 20/02/2022 (al), giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đã cung cấp tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Do quen biết, nên ngày 20/02/2022al (24/3/2022dl), ông Bùi Văn O cho bà Phạm Thị Ngọc T vay số tiền 180.000.000 đồng, mục đích để mua đất, việc vay có lập biên nhận, thời hạn là 05 tháng (24/8/2022) trả. Nhưng đến nay, bà T vẫn chưa trả số tiền trên, nên ông O khởi kiện, yêu cầu bà T trả 180.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Phía bà Phạm Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hương.

Xét thấy, căn cứ ông O khởi kiện là biên nhận nợ các ngày Biên nhận nợ ngày 20/02/2022, thể hiện bà Phạm Thị Ngọc T có nhận của ông Bùi Văn O 180.000.000 đồng, thời hạn trả là 05 tháng và có ký tên vào biên nhận. Do có cơ sở xác định ông O và bà T có giao kết hợp đồng vay tài sản. Đã hết thời hạn vay nhưng bà T không trả khoản tiền đã vay, nên ông O khởi kiện yêu cầu bà T trả 180.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự:

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Bùi Văn O với bà Phạm Thị Ngọc T.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn O.

- Buộc bà Phạm Thị Ngọc T trả ông Bùi Văn O 180.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi Văn O khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả số tiền vay 180.000.000 đồng (một trăm tám chục triệu đồng) nên yêu cầu kiện của ông thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị Ngọc T được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Qua lời trình bày của ông O tại các biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định giữa ông O với bà T có thỏa thuận với nhau việc vay tiền. Vào ngày 20/02/2022 (al) bà T có đến nhà ông để vay số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), mục đích vay để kinh doanh mua đất, hạn thời gian 05 tháng sẽ trả lại cho ông, hai bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng hết thời gian 05 tháng bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền 180.000.000 đồng, ông có nhắc nhở bà T nhưng bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả cho ông. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi ông O có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của ông O. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà T vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, ông O xuất trình chứng cứ là biên nhận nợ giữa ông O với bà T.

Như vậy, lời khai và lời trình bày của ông O phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà bà đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông O yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả tiền vốn vay 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) không yêu cầu tính lãi suất.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của bà T nhận thấy, giữa ông O với bà T cùng xác lập hợp đồng vay với nhau, nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông O, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc bà T có nghĩa vụ trả số tiền vay 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa ông O không yêu cầu tính lãi suất do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông Bùi Văn O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn O.

Buộc bà Phạm Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn O số tiền vốn vay 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Văn O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Bùi Văn O số tiền tạm ứng án phí 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) mà ông Bùi Văn O đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013088 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M cấp ngày 15 tháng 12 năm 2022

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ M;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ M;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn